

Bản án số: 821/2017/DS-ST

Ngày: 28 - 12 - 2017

V/v: “T/c Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thế Viễn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Soan

Bà Phạm Thị Bích Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thành Phong – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Huyền – Kiểm Sát Viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 499/2016/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2017; về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2017/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Bùi Ngọc M, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp N, xã B, thị xã L, tỉnh Đồng Nai, (Có mặt).

Bị đơn: Bà Lê Thị R, sinh năm 1947; địa chỉ: 39/1B L, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16 tháng 8 năm 2017, bản tự khai và các lần làm việc tại Tòa án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là ông Bùi Ngọc M trình bày:

Do quen biết nhau, ngày 22/6/2015 tại Phòng công chứng số 5, Thành phố Hồ Chí Minh, ông M có ký hợp đồng vay tiền đề cho bà R vay số tiền 200.000.000 đ (hai trăm triệu đồng). Ông M có giao tiền cho bà R làm hai lần: Lần thứ nhất giao 150.000.000 đồng vào ngày 22/6/2015, lần thứ hai giao 50.000.000 đồng vào ngày 01/7/2015. Hai bên có thỏa thuận trả lãi bằng lời nói là

mỗi tháng bà R phải trả lãi ông M bằng việc giao cho ông M thuê một căn nhà để ở hoặc có thể cho thuê lại và bà R không lấy tiền thuê nhà. Thời hạn vay là một năm kể từ ngày 22/6/2015. Sau khi vay tiền bà R giao nhà cho ông M thuê. Sau khi nhận nhà ông M thừa nhận có ở và cho thuê lại và thu được mỗi tháng 3.500.000 đồng, được khoảng một năm thì bà R đòi lại nhà và ông M đã trả nhà cho bà R vào ngày 22/6/2016. Ông M thừa tiền thu được từ việc thuê nhà là tiền lãi của hợp đồng vay tiền với bà R. Khi lấy lại nhà bà R và ông M thỏa thuận bà R vẫn tiếp tục trả tiền lãi cho ông M mỗi tháng là 5.000.000 đồng, bà R đã trả cho ông M được tám tháng, tổng cộng là 40.000.000 đồng, từ đó đến nay bà không trả tiền lãi nữa. Vào khoảng đầu năm 2017 bà R có trả ông M 50.000.000 đồng tiền gốc, do không có tiền trả số nợ còn lại bà R thỏa thuận tiếp tục trả lãi cho ông M nhưng sau đó không thực hiện việc trả lãi nữa. Do bà R không thực hiện đúng cam kết, ông M nhiều lần tới đòi tiền nhưng bà R không trả tiền lãi và số nợ gốc còn lại. Ông M yêu cầu Tòa án buộc bà R phải trả ông 150.000.000 đồng tiền gốc và 10.000.000 đồng là tiền ông phải chi phí cho việc đến đòi tiền bà R. Tại phiên tòa ông M xin rút một phần yêu cầu, ông chỉ yêu cầu bà R phải trả 150.000.000 tiền gốc, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà R trình bày: Bà R thừa nhận những trình bày của ông M như trên là đúng sự thật, bà thừa nhận còn nợ ông M 160.000.000 đồng. Bà R xác nhận là số tiền ông M thu được từ việc cho thuê lại nhà của bà và số tiền 40.000.000 đồng bà trả cho ông M sau khi bà lấy lại nhà là tiền lãi của hợp đồng vay tiền bà đã ký với ông M vào ngày 22/6/2015, bà đã nhận đủ 200.000.000 đồng tiền vay và cho dù hợp đồng có ghi là không tính lãi nhưng hai bên có thỏa thuận bằng lời nói thực hiện trả lãi như trên đã trình bày. Do ông M chỉ yêu cầu bà trả 150.000.000 đồng nên Bà R thừa nhận còn nợ ông M 150.000.000 đồng tiền gốc, bà R đồng ý trả đủ ông M số tiền này, nhưng vì bà chưa bán được nhà nên chưa có tiền trả, bà R xin ông M cho bà trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng trong thời hạn một năm, hết thời hạn này bà sẽ trả ngay một lần ông M số nợ còn lại.

Nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu trả nợ của bị đơn như trên, ông M vẫn yêu cầu bà R phải trả một lần số tiền 150.000.000 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Về tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử.

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

- Căn cứ Điều 474, Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về tố tụng: Ông Bùi Ngọc M khởi kiện bà Lê Thị R do bà R không trả tiền vay từ hợp đồng vay tài sản, đây là tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là bà R có nơi cư trú tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

[3] Về nội dung:

[4] Đối với yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Từ các chứng cứ là Hợp đồng vay tiền ngày 22/6/2015, Giấy biên nhận tiền ngày 22/6/2015 và Giấy biên nhận tiền ngày 01/7/2015 của do ông M và bà R ký kết đã được xem xét tại phiên tòa. Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa này bà R đã thừa nhận đến nay còn nợ ông M số tiền 160.000.000 đồng, trong đó tiền chi phí là 10.000.000 đồng, tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng theo hợp đồng vay tiền như ông M đã trình bày. Nhưng tại phiên tòa ông M rút một phần yêu cầu, chỉ đòi bà R 150.000.000 đồng tiền gốc nên bà R cũng thừa nhận còn nợ ông M 150.000.000 đồng tiền gốc.

[5] Hội đồng xét xử nhận thấy mặc dù trong Hợp đồng vay tiền các bên không tính lãi suất, nhưng thực tế ông M, bà R cùng thừa nhận có thỏa thuận trả lãi bằng lời nói thực hiện trả lãi như đã trình bày ở trên và sau khi lấy lại nhà bà R và ông M thỏa thuận bà R vẫn tiếp tục trả tiền lãi cho ông M mà không xác định thời điểm chấm dứt trả lãi, đến đầu năm 2017 sau khi bà R trả 50.000.000 đồng cho ông M thì bà R lại thỏa thuận tiếp tục trả lãi cho ông M cho đến khi trả hết nợ, nguyên đơn đã chốt nợ cho bị đơn đến ngày xét xử và rút một phần yêu cầu mặc dù toàn bộ yêu cầu vẫn được bị đơn chấp nhận là thể hiện thiện chí có lợi cho bị đơn, thỏa thuận trả lãi của đương sự như vậy là tự nguyện và không trái với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu, bị đơn đã thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 150.000.000 đồng tiền gốc, Đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn tại phiên tòa.

[6] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xác định bà Lê Thị R còn nợ ông Bùi Ngọc M số tiền 150.000.000 đồng tiền nợ gốc từ hợp đồng vay tiền ký ngày 22/6/2015. Hội đồng xét xử nhận thấy số nợ đã lâu, gây nhiều khó khăn cho nguyên đơn, bị đơn không có thiện chí trả nợ như cam kết trong hợp đồng nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bà R trả ông M số tiền 150.000.000 đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[7] Kể từ khi ông M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà R chưa trả số tiền

nêu trên thì hàng tháng bà R còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Lê Thị R phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: $150.000.000 \text{ đ} \times 5\% = 7.500.000$ đồng, nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm, hoàn lại số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) cho ông Bùi Ngọc M mà nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2017/0027386 ngày 28 tháng 8 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân quận Gò Vấp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, Điều 203, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ vào Điều 468 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Bà Lê Thị R còn nợ ông Bùi Ngọc M số tiền là 150.000.000 đồng tiền gốc từ hợp đồng vay tiền ký ngày 22 tháng 6 năm 2015.

Buộc bà Lê Thị R phải trả cho ông Bùi Ngọc M số tiền: 150.000.000 đ (một trăm năm mươi triệu đồng), trả một lần ngay sau khi có bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi ông M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà R chưa trả số tiền nêu trên thì hàng tháng bà R còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị R phải chịu án phí là 7.500.000 đ (bảy triệu năm trăm ngàn đồng). Hoàn lại số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) cho ông Bùi Ngọc M mà nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2017/0027386 ngày 28 tháng 8 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân quận Gò Vấp.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3.Đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND q.GV
- THA DS qGV;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký tên, đóng dấu)

Hoàng Thế Viễn